

Vietnam Daily Review

VN-Index báo hiệu đà giảm

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 19/9/2022		•	
Tuần 19/9-23/9/2022		•	
Tháng 9/2022		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Thị trường có xu hướng ủng hộ đà giảm khi phiên hôm nay giảm đến gần 12 điểm với thanh khoản lớn. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 18/19 ngành giảm điểm. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Hiện tại, chỉ số đã giảm xuống ngưỡng hỗ trợ quanh vùng 1,230. Trong những phiên tới, chỉ số có thể sẽ giằng co tại vùng này, hoặc có thể sẽ tiếp tục lùi xuống vùng 1,220.

Hợp đồng tương lai: Các HĐ đều giảm theo nhịp vận động của VN30. Nhà đầu tư nên thận trọng trong phiên giao dịch tiếp theo.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 16/9/2022, các chứng quyền trong đã giảm theo xu hướng vận động của cổ phiếu cơ sở.

Điểm nhấn:

- VN-Index **-11.63** điểm, đóng cửa **1234.03** điểm. HNX-Index **-6.81** điểm, đóng cửa **272.88** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VCB (+0.96)**, **VNM (+0.79)**, **VRE (+0.59)**, **NVL (+0.54)**, **PDR (+0.37)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VIC (-1.35)**, **VHM (-0.99)**, **GVR (-0.91)**, **HPG (-0.88)**, **CTG (-0.85)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **14,544** tỷ đồng, tăng **48.73%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 15510 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 15.8 điểm. Thị trường có **95** mã tăng, 70 mã tham chiếu, **368** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-434.82** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **STB (-224.05 tỷ)**, **VJC (-168.44 tỷ)**, **E1VFN30 (-113.47 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-86.11** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

anhvv@bsc.com.vn

VN-INDEX 1234.03

Giá trị: 14544.39 tỷ -11.63 (-0.93%)

Khối ngoại (ròng): -434.82 tỷ

HNX-INDEX 272.88

Giá trị: 1430.66 tỷ -6.81 (-2.43%)

Khối ngoại (ròng): -86.11 tỷ

UPCOM-INDEX 89.46

Giá trị: 581.7 tỷ -0.81 (-0.9%)

Khối ngoại (ròng): -4.42 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	84.4	-0.85%
Giá vàng	1,656	-0.57%
Tỷ giá USD/VND	23,659	0.00%
Tỷ giá EUR/VND	44,820	-0.08%
Tỷ giá JPY/VND	16,495	0.00%
LS liên NH 1 tháng	5.0%	0.40%
LS TPCP 5 năm	3.3%	0.00%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
PNJ	203.87	STB	-224.05
VNM	117.90	VJC	-168.44
VCB	74.93	E1VFN30	-113.47
VRE	52.83	HSG	-99.39
HAG	37.73	KDH	-77.30

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Hiệu suất PTKT	Trang 2
Thị trường phái sinh	Trang 3
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 4
Thống kê thị trường	Trang 5
Khuyến nghị dài hạn	Trang 6
Báo cáo mới nhất	Trang 7
Khuyến cáo sử dụng	Trang 8

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
8/5/2022	DRC	29.5	34	27.5	30	42	1.69%	Có thể giữ nguyên vị thế
8/4/2022	VTP	62.3	70	58.5	58.8	43	-5.62%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
8/3/2022	REE	81.2	93	76	84.1	44	3.57%	Có thể giữ nguyên vị thế
8/2/2022	POW	13.75	16	13	14.25	45	3.64%	Có thể tiếp tục mua
7/18/2022	GVR	23.2	28	21.9	24.6	60	6.03%	Có thể giữ nguyên vị thế
Chú thích:							(**) Tiệm cận giá mục tiêu	

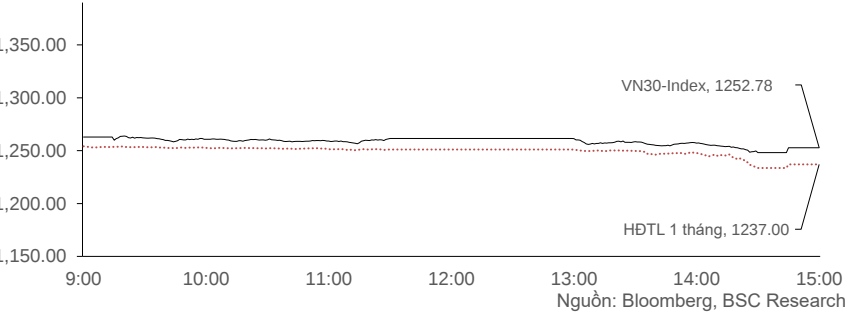
Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
8/18/2022	PTB	67.8	77	64	SL	21	-5.60%
7/20/2022	HAH	67.9	78.5	64.1	SL	7	-5.60%
6/28/2022	C47	13.25	16	12.8	SL	8	-3.40%
6/27/2022	DBC	19.45	24	18.25	TP	9	23.39%
6/23/2022	GMD	53	60	49.5	SL	12	-6.60%
6/8/2022	GVR	27.05	33.5	24	SL	5	-11.28%
6/7/2022	GIL	76.8	86	72	SL	6	-6.25%
6/6/2022	NT2	25.1	28.5	23.5	TP	8	13.55%
6/1/2022	PC1	38.5	43.3	35.2	TP	7	12.47%
5/31/2022	CTD	54.5	61	51	SL	20	-6.42%
5/30/2022	PDR	55.3	61.3	52	SL	11	-5.97%
5/27/2022	MWG	146.7	162	140	SL	17	-4.57%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất			TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ		FS - Đóng vị thế sớm		

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Năm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	4	1	3.73%	-5.62%	1.86%	47
Cổ phiếu đã chốt	249	224	7.10%	-7.52%	4.14%	23

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2210	1262.90	0.31%	10.12	-24.2%	147,137	10/20/2022	34
VN30F2211	1235.00		-17.78		187	11/17/2022	62
VN30F2212	1236.80	-1.45%	-15.98	422.9%	251	12/15/2022	90
VN30F2203	1231.20	-1.24%	-21.58	64.0%	182	3/16/2023	181

Source: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 giảm -10.04 điểm xuống 1252.78 điểm, biên độ dao động 15.84 điểm. Các cổ phiếu như MWG, HPG, TCB, VIC, và VHM đã tác động tiêu cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 đi ngang cả ngày rồi suy giảm mạnh vào phiên chiều, lực kéo yếu ớt cuối phiên về sau cũng không thể đẩy chỉ số quay về thêm giá ban đầu. Xu hướng bán tháo mạnh với khối lượng giao dịch cao vượt ngưỡng trung bình 20 phiên. Nhà đầu tư nên thận trọng trong phiên giao dịch tiếp theo.
- Các HĐ đều giảm theo nhịp vận động của VN30. Xét về KLGD,các HĐ đều tăng. Xét về vị thế mở, các HĐ VN30F2210 và VN30F2212 tăng, HĐ còn lại giảm.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CTCB2204	10/7/2022	21	5:1	54,800	32.07%	2,400	30	-40.00%	1	38.66	82,900	45,000	36,000
CSTB2210	11/7/2022	52	2:1	988,400	45.13%	2,000	200	-23.08%	116	1.72	75,249	28,500	22,450
CSTB2208	10/20/2022	34	5:1	700	45.13%	1,100	40	-20.00%	8	5.11	72,872	30,111	22,450
CTCB2207	1/13/2023	119	3:1	125,500	32.07%	1,000	550	-16.67%	290	1.89	150,579	43,000	36,000
CVNM2209	3/10/2023	175	16:1	100	27.56%	1,000	800	-13.98%	335	2.39	92,888	76,888	76,000
CHPG2214	1/3/2023	109	7.56:1	774,900	37.18%	1,000	240	-11.11%	68	3.55	129,266	28,744	23,000
CMBB2206	10/3/2022	17	8.33:1	291,200	34.55%	1,000	420	-10.64%	441	0.95	95,579	22,222	21,800
CMWG2207	11/7/2022	52	5.96:1	400	35.70%	3,090	1,090	-9.17%	646	1.69	17,779	75,565	72,000
CVRE2210	12/7/2022	82	4:1	240,400	39.26%	2,300	890	-8.25%	577	1.54	38,000	28,800	29,850
CTCB2209	12/26/2022	101	3:1	122,000	32.07%	3,000	2,550	-6.59%	1,391	1.83	149,199	34,000	36,000
CVRE2211	3/28/2023	193	8:1	610,800	39.26%	1,000	650	-5.80%	446	1.46	36,888	28,888	29,850
CHPG2215	3/28/2023	193	10:1	324,200	37.18%	1,000	560	-5.08%	309	1.81	126,859	22,999	23,000
CPDR2204	1/3/2023	109	16:1	83,200	30.87%	1,000	290	-3.33%	88	3.30	27,700	57,979	53,500
CMWG2203	9/26/2022	10	3.47:1	29,600	35.70%	1,990	400	-2.44%	537	0.74	127,782	148,000	72,000
CPNJ2205	1/13/2023	119	6:1	8,200	39.25%	1,100	640	0.00%	792	0.81	45,540	129,000	113,200
CMSN2211	12/9/2022	84	10:1	100	41.88%	1,900	1,690	0.00%	1,052	1.61	65,159	109,999	112,800
CTCB2205	10/19/2022	33	5:1	1,100	32.07%	2,300	120	0.00%	2	62.43	157,189	46,500	36,000
CSTB2209	10/19/2022	33	3:1	10,000	45.13%	2,400	120	0.00%	3	34.56	72,840	32,000	22,450
CVIC2203	10/7/2022	21	10:1	3,000	25.01%	1,200	40	0.00%	0	1,021,115.00	33,550	86,000	62,500
CVHM2209	12/27/2022	102	15.5:1	9,000	25.25%	1,000	290	3.57%	46	6.36	37,700	69,979	59,600
Tổng				3,677,600	35.62%**								

Chú thích:	Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất Lãi suất phi rủi ro là 4.75% **Trung bình độ lệch chuẩn	CR: Tỷ lệ chuyển đổi Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn *Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
------------	--	---

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 16/9/2022, các chứng quyền trong đã giảm theo xu hướng vận động của cổ phiếu cơ sở.
- CVPB2206 và CTPB2201 có mức tăng trưởng tốt nhất, lần lượt ở mức 150% và 100%. Giá trị giao dịch tăng 119.35%. CTCB2209 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 9.95%.
- CFPT2207, CSTB2214, CMWG2210, và CTPB2204 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CFPT2206, CHPG2214, CPDR2204, và CVNM2209 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CPNJ2201, CFPT2207, CHPG2216, và CMWG2201 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	72.0	-2.6%	0.6	4,582	13.5	3,436	21.0	4.7	49.0%	24.2%
PNJ	Bán lẻ	113.2	1.2%	0.6	1,211	10.4	5,978	18.9	3.4	48.3%	20.1%
BVH	Bảo hiểm	56.0	-1.1%	1.2	1,807	2.3	2,411	23.2	1.9	26.4%	8.4%
PVI	Bảo hiểm	43.7	-0.2%	0.7	445	0.1	3,289	13.3	1.3	58.6%	9.9%
VIC	Bất động sản	62.5	-2.2%	0.5	10,364	4.6	(74)	#N/A N/A	2.2	12.2%	-0.2%
VRE	Bất động sản	29.9	3.5%	1.1	2,949	3.7	571	52.3	2.1	32.0%	4.2%
VHM	Bất động sản	59.6	-1.5%	0.8	11,283	6.2	6,478	9.2	2.1	23.2%	25.9%
DXG	Bất động sản	24.6	-4.3%	1.4	650	12.4	1,223	20.1	1.6	29.7%	8.2%
SSI	Chứng khoán	21.2	-2.3%	1.8	1,369	18.0	2,674	7.9	1.6	35.1%	22.0%
VCI	Chứng khoán	34.9	-3.2%	1.0	661	7.7	3,497	10.0	2.1	17.4%	24.3%
HCM	Chứng khoán	26.3	-2.2%	1.6	523	8.8	2,522	10.4	1.5	40.7%	17.5%
FPT	Công nghệ	82.5	-1.4%	0.9	3,935	4.9	4,512	18.3	4.6	49.0%	27.1%
FOX	Công nghệ	67.1	-1.9%	0.4	958	0.0	4,926	13.6	3.7	0.0%	30.2%
GAS	Dầu khí	111.0	-0.7%	1.0	9,237	2.4	6,669	16.6	3.6	3.0%	24.3%
PLX	Dầu khí	39.2	-0.4%	1.5	2,163	1.2	723	54.2	2.1	17.5%	3.8%
PVS	Dầu khí	26.8	-2.2%	1.6	557	10.6	1,104	24.3	1.1	10.5%	4.4%
BSR	Dầu khí	23.5	-2.9%	0.8	3,168	7.6	2,108	11.1	1.9	41.1%	19.1%
DHG	Dược	90.9	-0.2%	0.3	517	0.0	6,361	14.3	3.1	54.2%	23.1%
DPM	Hóa chất	52.1	-1.1%	1.3	886	5.8	14,563	3.6	1.5	15.3%	51.9%
DCM	Hóa chất	37.0	-2.1%	1.2	852	8.9	7,025	5.3	2.0	8.6%	44.7%
VCB	Ngân hàng	80.0	1.0%	0.8	16,461	5.3	5,273	15.2	3.1	23.5%	21.9%
BID	Ngân hàng	35.5	-0.7%	1.2	7,808	1.5	2,562	13.9	2.0	16.9%	15.0%
CTG	Ngân hàng	26.2	-2.6%	1.5	5,474	2.3	3,056	8.6	1.2	26.8%	15.1%
VPB	Ngân hàng	30.6	0.8%	1.2	5,945	22.7	3,755	8.1	1.5	17.7%	22.2%
MBB	Ngân hàng	21.8	-1.6%	1.3	4,297	6.7	3,467	6.3	1.5	19.4%	26.0%
ACB	Ngân hàng	23.2	-1.7%	1.1	3,399	2.1	3,482	6.6	1.5	30.0%	25.4%
BMP	Nhựa	62.3	-1.0%	0.7	222	0.1	4,413	14.1	2.1	85.2%	15.2%
NTP	Nhựa	40.7	0.5%	0.6	229	0.1	3,914	10.4	1.8	17.8%	18.0%
MSR	Tài nguyên	19.0	-3.6%	1.6	908	0.2	178	106.7	1.5	10.1%	1.4%
HPG	Thép	23.0	-2.5%	1.1	5,815	27.8	4,747	4.8	1.3	20.7%	31.8%
HSG	Thép	17.2	-5.0%	1.5	447	10.6	3,511	4.9	0.9	5.6%	19.3%
VNM	Tiêu dùng	76.0	2.0%	0.5	6,906	7.6	4,055	18.7	4.7	55.0%	25.8%
SAB	Tiêu dùng	185.3	0.0%	0.8	5,166	1.5	7,018	26.4	5.2	62.8%	21.0%
MSN	Tiêu dùng	112.8	0.7%	1.0	6,982	8.4	7,172	15.7	5.5	29.0%	40.2%
SBT	Tiêu dùng	16.6	-3.5%	1.6	454	3.0	1,381	12.0	1.2	8.2%	8.3%
ACV	Vận tải	84.5	-0.4%	0.8	7,998	0.1	363	232.9	4.9	3.8%	1.3%
VJC	Vận tải	115.7	-0.3%	1.1	2,725	10.8	176	656.7	3.6	16.4%	0.6%
HVN	Vận tải	14.9	-2.0%	1.7	1,430	0.6	(4,373)	#N/A N/A	#N/A N/A	5.9%	#VALUE!
GMD	Vận tải	49.0	-1.4%	1.0	642	1.5	2,705	18.1	2.2	46.9%	12.5%
PVT	Vận tải	22.0	-1.8%	1.4	310	2.0	1,982	11.1	1.3	14.8%	12.4%
VCS	Vật liệu xây dựng	73.0	-1.4%	0.9	508	0.1	10,334	7.1	2.4	2.9%	36.9%
VGC	Vật liệu xây dựng	61.5	-3.6%	0.7	1,199	3.3	4,350	14.1	3.6	5.4%	27.7%
HT1	Vật liệu xây dựng	15.3	-0.6%	1.1	254	0.3	505	30.3	1.1	1.9%	3.6%
CTD	Xây dựng	70.3	-2.5%	1.2	226	1.7	(958)	#N/A N/A	0.6	52.6%	-0.8%
CII	Xây dựng	22.2	-4.1%	1.5	243	6.6	1,446	15.4	1.0	9.7%	6.9%
REE	Điện	84.1	-2.2%	-1.4	1,300	3.2	6,593	12.8	2.1	49.1%	17.7%
PC1	Điện	39.6	-3.5%	-0.4	404	5.2	2,081	19.0	1.9	4.6%	10.5%
POW	Điện	14.3	-1.4%	0.6	1,451	14.4	676	21.1	1.1	2.6%	5.3%
NT2	Điện	31.0	2.6%	0.6	388	4.3	3,116	9.9	2.0	14.0%	20.9%
KBC	Khu công nghiệp	30.0	-2.3%	1.6	1,001	8.2	324	92.5	1.6	17.6%	2.1%
BCM	Khu công nghiệp	98.0	0%	0.9	4,410	1.1	1,640	59.7	5.8	2.8%	11.2%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCB	80.00	1.01	0.96	1.52MLN
VNM	76.00	2.01	0.79	2.31MLN
VRE	29.85	3.47	0.59	2.87MLN
NVL	86.40	1.29	0.54	3.63MLN
PDR	53.50	4.29	0.37	2.25MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
VIC	0.00	-0.91	1.71MLN	1.11MLN
VHM	0.00	-0.88	27.51MLN	607060
GVR	0.00	-0.85	1.98MLN	373600
HPG	0.00	-0.70	4.28MLN	192700
CTG	0.00	-0.53	2.19MLN	611640

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
LEC	7.51	6.98	0.00	11700.00
BMC	19.35	6.91	0.00	190200
ABS	12.90	6.61	0.02	4.40MLN
VSI	24.20	6.14	0.01	100
VCG	25.25	5.21	0.15	15.12MLN

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIC	62.50	-2.19	-1.35	1.68MLN
VHM	59.60	-1.49	-0.99	2.37MLN
GVR	24.60	-3.53	-0.91	1.71MLN
HPG	23.00	-2.54	-0.88	27.51MLN
CTG	26.20	-2.60	-0.85	1.98MLN

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

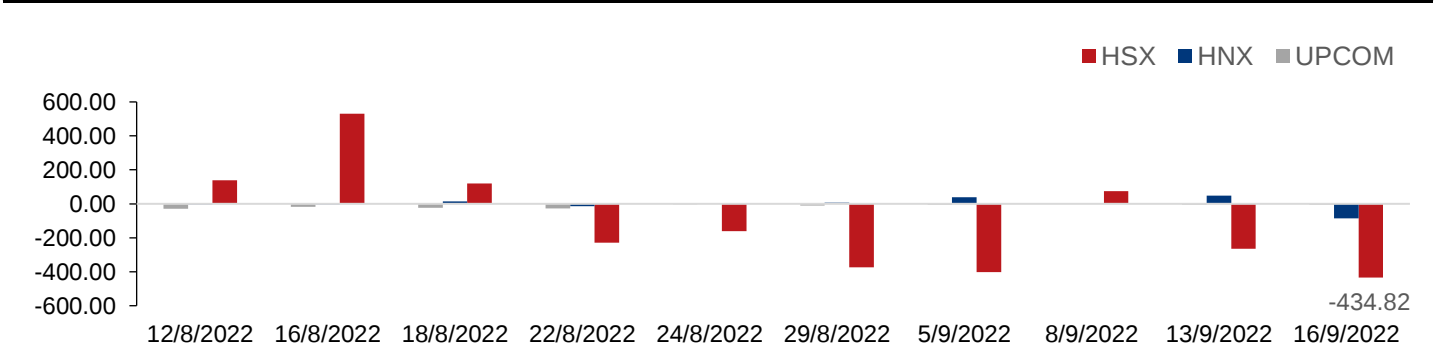
Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NVB	22.60	6.60	1.09	118100.00
SHN	9.10	7.06	0.12	100.00
DNP	24.50	2.08	0.07	1000
CAP	84.70	5.61	0.05	22800.00
MBG	7.70	4.05	0.02	1.28MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
THD	48.40	-9.87	-3.04	105900
CEO	26.70	-8.56	-0.79	5.81MLN
IDC	57.60	-3.03	-0.73	4.19MLN
SHS	11.40	-5.00	-0.72	10.36MLN
HUT	25.00	-4.58	-0.40	2.87MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PDB	17.20	9.6	0.01	67500
ADC	23.10	9.0	0.01	200
DZM	6.80	7.9	0.00	900
TSB	11.60	7.4	0.00	100
SMT	15.00	7.1	0.00	49200.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
KLF	1.80	-10.00	-0.05	8.44MLN
NFC	17.10	-10.00	-0.02	100
THS	26.20	-9.97	0.00	100
STC	20.00	-9.91	-0.01	400
THD	48.40	-9.87	-3.04	105900

Hình 3
 Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tài báo cáo
1	DPM	Phân bón	Theo dõi	04/07/22	50.0	63.1	52.1	14,563	3.6	1.5	Click
2	HT1	Xi măng	Mua	30/06/22	15.5	18.7	15.3	505	30.3	1.1	Click
3	NT2	Điện	Mua	28/06/22	24.8	28.0	31.0	3,116	9.9	2.0	Click
4	PVD	Dầu khí	Mua	28/06/22	17.4	19.8	23.0	0	#N/A N/A	0.9	Click
5	LHG	BDS	Mua	27/06/22	31.5	54.8	34.2	2,692	12.7	1.2	Click
6	MIG	Bảo hiểm	Theo dõi	23/06/22	24.8	21.7	21.8	1,168	18.6	2.0	Click
7	PC1	Điện	Mua	23/06/22	39.2	45.9	39.6	2,081	19.0	1.9	Click
8	POW	Điện	Mua	13/06/22	15.0	17.0	14.3	676	21.1	1.1	Click
9	NKG	Thép	Mua	09/06/22	22.9	30.4	22.2	6,984	3.2	0.9	Click
10	REE	Điện	Mua	08/06/22	98.3	112.7	84.1	6,593	12.8	2.1	Click
11	LTG	Lương thực	Theo dõi	08/06/22	41.8	45.3	37.0	4,406	8.4	1.0	Click
12	GAS	Dầu khí	Mua	08/06/22	130.0	151.4	111.0	6,669	16.6	3.6	Click
13	ANV	Thủy sản	Mua	07/06/22	56.6	68.9	48.7	3,842	12.7	2.2	Click
14	HPG	Thép	Mua	07/06/22	33.2	42.1	23.0	4,747	4.8	1.3	Click
15	VOS	Vận tải biển	Mua	03/06/22	16.2	19.0	15.2	4,170	3.6	1.6	Click
16	BSR	Dầu khí	Mua	02/06/22	27.1	34.4	23.5	2,108	11.1	1.9	Click
17	CTR	CNTT-VT	Mua	27/5/22	82.4	94.5	72.5	3,616	20.0	6.1	Click
18	PNJ	Bán lẻ	Mua	10/5/22	99.1	122.1	113.2	5,978	18.9	3.4	Click
19	EVE	Dệt may	Mua	29/4/22	16.5	19.0	15.4	1,889	8.2	0.7	Click
20	NT2	Điện	Mua	12/4/22	23.0	27.1	31.0	3,116	9.9	2.0	Click
21	DPR	Cao su	Mua	5/4/22	94.0	110.0	71.0	10,763	6.6	1.4	Click
22	FRT	Bán lẻ	Nắm giữ	30/3/22	156.0	162.1	88.3	5,014	17.6	5.7	Click
23	PC1	Điện	Mua	30/3/22	49.0	63.0	39.6	2,081	19.0	1.9	Click
24	CTI	Xây dựng	Mua	29/3/22	25.7	30.8	14.6	179	81.3	0.7	Click
25	FPT	CNTT	Mua	22/3/22	95.3	116.3	82.5	4,512	18.3	4.6	Click
26	DRC	Săm lốp	Mua	16/3/22	32.1	40.0	30.0	2,277	13.2	2.0	Click
27	NKG	Thép	Mua	11/3/22	51.2	60.4	22.2	6,984	3.2	0.9	Click
28	POW	Điện	Mua	10/3/22	16.6	19.1	14.3	676	21.1	1.1	Click
29	PNJ	Bán lẻ	Mua	7/3/22	108.0	129.4	113.2	5,978	18.9	3.4	Click
30	MWG	Bán lẻ	Mua	7/3/22	134.2	154.4	72.0	3,436	21.0	4.7	Click
31	PVT	Vận tải	Mua	7/3/22	27.4	36.0	22.0	1,982	11.1	1.3	Click
32	DGC	Hóa chất	Mua	4/3/22	177.6	233.0	97.5	12,417	7.9	4.0	Click
33	HPG	Thép	Mua	3/3/22	50.1	61.7	23.0	4,747	4.8	1.3	Click
34	KBC	Bất động sản	Mua	2/3/22	57.5	74.9	30.0	324	92.5	1.6	Click
35	PSD	Bán lẻ	Mua	2/3/22	41.6	50.3	24.3	5,269	4.6	1.5	Click
36	DXG	Bất động sản	Mua	24/2/22	40.4	50.0	24.6	1,223	20.1	1.6	Click
37	DGW	Bán lẻ	Mua	24/2/22	111.9	143.0	75.4	4,503	16.7	6.0	Click
38	ANV	Thủy sản	Mua	23/2/22	34.5	40.6	48.7	3,842	12.7	2.2	Click
39	TNG	Dệt may	Mua	23/2/22	33.0	41.7	24.1	2,905	8.3	1.7	Click
40	VHC	Thủy sản	Mua	14/2/22	68.4	91.6	90.0	11,226	8.0	2.3	Click
41	BMI	Bảo hiểm	Mua	8/2/22	36.8	45.0	30.5	1,963	15.5	1.5	Click
42	PVI	Bảo hiểm	Mua	7/2/22	49.2	59.3	43.7	3,289	13.3	1.3	Click
43	PVS	Dầu khí	Mua	13/1/22	28.5	36.0	26.8	1,104	24.3	1.1	Click
44	GAS	Dầu khí	Mua	12/1/22	103.3	130.0	111.0	6,669	16.6	3.6	Click
45	HAX	Ô tô	Mua	23/12/21	29.1	37.0	22.6	4,011	5.6	1.5	Click
46	CTD	Xây dựng	Mua	6/12/21	77.0	97.9	70.3	-958	#N/A N/A	0.6	Click
47	EVE	Dệt may	Mua	1/12/21	18.4	N/A	15.4	1,889	8.2	0.7	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2022	x		Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2022		x	Click
3	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2022	x		Click
4	BSC_Vĩ mô Thị trường Quý II 2022	x		Click
5	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2022	x		Click
6	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2022		x	Click
7	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2022	x		Click
8	Triển vọng ngành Thủy sản 2022		x	Click
9	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 3.2022	x		Click
10	Triển vọng ngành Dệt May 2022		x	Click
11	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 2.2022	x		Click
12	Triển vọng ngành dầu khí 2022		x	Click
13	BSC_Vietnam Sector Outlook 2022		x	Click
14	Cơ hội từ Đầu tư công (lần 3)	x		Click
15	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 1.2022	x		Click
16	BSC_Vietnam Marco Market Outlook 2022	x		Click
17	Ngành Phân bón_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
18	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 11.2021	x		Click
19	Ngành Ngân hàng_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
20	Chuyển dịch hàng hóa CN nặng & Cơ hội TTCK	x		Click
21	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2021		x	Click
22	BSC_Vĩ Mô & Thị trường Tháng 10.2021	x		Click
23	Cơ hội sau giãn cách xã hội	x		Click
24	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý III 2021	x		Click
25	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
26	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
27	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
28	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
29	Covid làn sóng thứ 4	x		Click
30	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
31	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
32	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
33	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
34	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
35	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
36	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
37	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
38	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
39	Banking Sector Outlook		x	Click
40	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
41	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
42	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
43	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
43	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639